

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà Nh, sinh năm 1990; Địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện P, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất Kh, sinh năm 1990; Địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hà Nh và anh Nguyễn Tất K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hà Nh và anh Nguyễn Tất Kh.

*** Về con chung:** Giao con Nguyễn Tất Anh Tr, sinh ngày 14/7/2014 cho anh Nguyễn Tất Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao con Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Hà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Hà Nh tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nhi đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0005184 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pg, tỉnh T. Trả lại cho chị Nh số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P, thị xã H, T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân